

Thứ hai, ngày 20 tháng 1 năm 2020

Vietnam Daily Review

Phiên điều chỉnh

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 21/1/2020		•	
Tuần 20/1-24/1/2020		•	
Tháng 1/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Sau khi tăng điểm tích cực trong tuần trước, VN-Index đã quay trở lại trạng thái giằng co trong phiên hôm nay. Đà tăng của chỉ số được hỗ trợ bởi các mã cổ phiếu bluechips như VPB, HPG, MWG, SAB, VNM. Trong khi đó, VCB, VRE, MSN lại là các mã chủ yếu gây áp lực giảm điểm. Dù giảm nhẹ về điểm số nhưng thị trường vẫn duy trì được thanh khoản ở mức trung bình và khối ngoại vẫn tiếp tục mua ròng. Như vậy, với kì nghỉ Lễ dài đang đến gần, động lực tăng điểm của chỉ số là không rõ ràng. Theo BSC, vận động giằng co sẽ tiếp tục trong những phiên giao dịch sắp tới.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 880 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 20/1/2019, phần lớn chứng quyền đều giảm, trong khi chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về giá. Khối lượng giao dịch tăng.

Danh mục i-Invest: Theme_Xây dựng _1.1%. 15/20 danh mục Chủ đề có hiệu suất **khả quan**. Đặc biệt, danh mục **Xây dựng** - kỳ vọng chủ yếu vào tăng trưởng về nhu cầu xây dựng BĐS và các dự án đầu tư công - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **1.1%**, con số này của VNINDEX là 0.0%.

Phân tích kỹ thuật: REE_ Tăng giá (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **CTG, VPB, HPG, NVL, FPT**

Điểm nhấn

- VN-Index **-0.33 điểm**, đóng cửa 978.63. HNX-Index **+0.75 điểm**, đóng cửa 104.64.
- Kéo chỉ số tăng: **VPB (+0.44); HPG (+0.41); MWG (+0.34); SAB (+0.28); VNM (+0.20)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-0.54); VRE (-0.39); MSN (-0.23); BID(-0.23); VJC (-0.18)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **2,124 tỷ đồng**, **-8.4%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 3.92 điểm. Thị trường có 143 mã tăng, 72 mã tham chiếu và 163 giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **527.70 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm MWG (558.34 tỷ), VCB (16.61 tỷ) và VHM (9.61 tỷ). Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **0.14 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

978.63

Giá trị: 2124.74 tỷ

-0.33 (-0.03%)

Khối ngoại (ròng): 527.7 tỷ

HNX-INDEX

104.64

Giá trị: 261.14 tỷ

0.76 (0.73%)

Khối ngoại (ròng): 0.14 tỷ

UPCOM-INDEX

55.49

Giá trị: 157.72 tỷ

0.08 (0.14%)

Khối ngoại(ròng): 4 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	58.9	0.63%
Giá vàng	1,560	0.17%
Tỷ giá USD/VND	23,171	
Tỷ giá EUR/VND	25,709	-0.37%
Tỷ giá JPY/VND	21,031	-0.02%
LS liên NH 1 tháng	3.4%	3.30%
LS TPCP 5 năm	1.7%	2.18%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
MWG	588.1	BID	18.0
VCB	16.6	KBC	17.1
VHM	9.6	VIC	16.5
VNM	7.7	VRE	11.9
STB	5.6	PVD	10.8

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Cổ phiếu lớn	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
iBroker	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* **15/20 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **khả quan**. Đặc biệt, danh mục **Xây dựng** - kỳ vọng chủ yếu vào tăng trưởng về nhu cầu xây dựng BĐS và các dự án đầu tư công - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **1.1%**, con số này của VNINDEX là 0.0%

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** gồm những mã cổ phiếu có triển vọng khả quan trong dài hạn:

- **14/18 danh mục Mục tiêu** có mức hiệu suất ngày **khả quan**
- **3/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro** có mức hiệu suất ngày **khả quan**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Xây dựng_1.1%

Danh mục	Hiệu suất danh mục							Rủi ro ước tính
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề							
Xây dựng	1.1%	1.7%	-1.8%	-12.5%	-15.0%	-14.7%	17.1%	18.1%
Vật liệu Xây dựng	0.9%	2.1%	0.6%	-2.1%	-0.1%	11.7%	9.7%	18.5%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	0.8%	3.1%	5.7%	1.0%	10.4%	35.1%	119.9%	18.9%
VN Diamond	0.8%	2.8%	5.9%	-1.2%	10.2%	20.8%	72.2%	16.9%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.7%	2.3%	4.8%	-1.4%	8.8%	20.1%	76.3%	17.2%
Hàng tiêu dùng	0.6%	0.7%	1.4%	-10.0%	-5.8%	3.1%	56.9%	17.2%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.5%	1.5%	4.5%	-0.8%	5.0%	18.4%	85.2%	15.9%
Ngân hàng	0.5%	5.0%	11.6%	7.9%	18.0%	30.3%	91.3%	22.2%
Lãi suất giảm	0.5%	1.7%	0.6%	-6.3%	-7.0%	0.1%	49.8%	17.8%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	0.3%	4.1%	9.8%	3.3%	11.3%	18.6%	51.9%	19.6%
Nước & Năng lượng	0.3%	0.3%	-3.5%	-5.4%	-8.9%	2.6%	42.0%	14.3%
VN FinSelect	0.3%	3.4%	8.5%	2.1%	8.6%	14.8%	44.6%	18.0%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.3%	2.4%	3.3%	-3.7%	0.5%	7.9%	56.4%	14.4%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.2%	1.5%	-1.0%	2.0%	-4.5%	13.8%	43.0%	14.4%
FTSE Việt Nam	0.0%	0.7%	1.7%	-1.4%	-0.8%	8.1%	86.1%	14.8%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.1%	0.2%	1.5%	-2.1%	-2.4%	6.8%	76.3%	13.7%
Chiến tranh thương mại	-0.2%	-0.7%	-2.4%	-7.0%	-12.4%	0.0%	9.1%	15.4%
Dầu khí	-0.2%	-1.5%	-4.7%	-8.9%	-15.2%	-2.2%	15.8%	22.7%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-0.3%	-0.1%	-0.6%	-5.2%	-13.1%	-6.4%	40.0%	21.0%
BĐS & Khu công nghiệp	-0.8%	-0.8%	-0.6%	-4.6%	-4.1%	4.3%	57.2%	16.3%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 12	0.9%	1.3%	2.9%	1.3%	3.6%	22.8%	76.8%	18.4%
Danh mục 6	0.8%	1.7%	1.3%	-7.7%	-0.9%	13.2%	90.0%	21.7%
Danh mục 18	0.7%	0.4%	1.7%	1.2%	-2.1%	8.5%	122.7%	17.9%
Danh mục 3	-0.2%	2.3%	3.3%	-0.1%	8.3%	23.0%	72.0%	18.3%
Danh mục 8	-0.7%	0.9%	1.4%	-2.4%	1.0%	15.5%	58.3%	17.2%
* Note	14/18 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày không vượt							

* Note **14/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất ngày **khả quan**

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 24	0.7%	0.8%	1.6%	-4.1%	-3.1%	26.1%	93.3%	20.1%
Danh mục 23	0.5%	2.1%	-1.7%	-6.2%	-8.0%	14.9%	83.4%	18.9%
Danh mục 21	0.3%	2.1%	3.9%	-1.0%	6.4%	19.8%	62.1%	15.6%
Danh mục 19	-0.7%	1.1%	2.6%	-1.5%	6.2%	22.0%	61.4%	15.2%
Danh mục 20	-0.8%	0.9%	1.9%	-2.7%	3.8%	16.5%	58.2%	16.6%

* Note **3/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày **khả quan**

INDEX								
VNINDEX	0.0%	1.3%	2.8%	-0.9%	-1.0%	7.7%	43.4%	15.3%
VN30INDEX	0.3%	1.8%	4.1%	-2.1%	1.1%	3.8%	40.6%	15.7%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#login>

BSC RESEARCH

1/20/2020

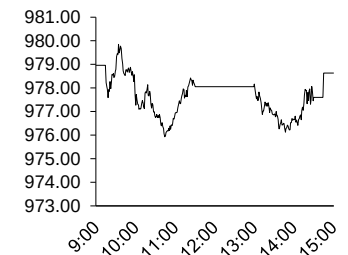
Vietnam Daily Review

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1

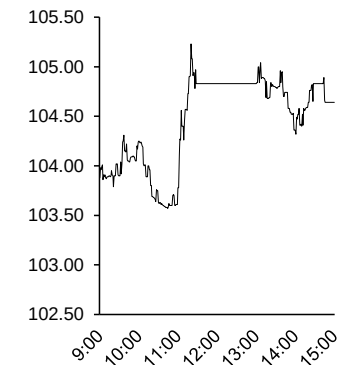
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Bán lẻ	1.9%
Tài nguyên Cơ bản	1.2%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.9%
Y tế	0.9%
Truyền thông	0.6%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.2%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.2%
Thực phẩm và đồ uống	0.1%
Ô tô và phụ tùng	0.1%
Xây dựng và Vật liệu	0.1%
Ngân hàng	0.0%
Dịch vụ tài chính	-0.2%
Bất động sản	-0.2%
Hóa chất	-0.3%
Công nghệ Thông tin	-0.4%
Bảo hiểm	-0.4%
Dầu khí	-0.4%
Du lịch và Giải trí	-0.9%
Viễn thông	-2.3%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

REE_ Tăng giá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ âm, MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: REE đã hình thành mô hình 2 đáy tại ngưỡng giá 35.5. Thanh khoản cổ phiếu đang duy trì ở ngưỡng trung bình 20 phiên, cho thấy xu hướng tăng vẫn đang được hỗ trợ. Chỉ báo MACD và chỉ báo RSI đều ủng hộ xu hướng tăng giá. Đường giá cổ phiếu cũng đã vượt lên dải mây Ichimoku, cho thấy động lực tăng giá trung hạn đã hình thành. Như vậy, nhà đầu tư có thể mở vị thế mua tại vùng giá 35.5-36.5, chốt lãi tại ngưỡng kháng cự cũ 40 trong các phiên giao dịch tới.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Catalyst

- Platinum tiếp tục thể hiện nguyện vọng gia tăng tỷ lệ sở hữu tại REE
- CTCK phát hành chứng quyền REE
- REE sẽ có mặt trong ETF Diamond của các cổ phiếu hết room cho NĐTNN

Luận điểm đầu tư

1. Thay đổi hoạt động kinh doanh cốt lõi với những hoạt động mang lại dòng tiền và lợi nhuận ổn định hơn.
2. Danh mục thủy điện lâu đời với hiệu suất ổn định và chi phí sản xuất thấp là “kho báu” trong dài hạn khi giá điện được dự báo sẽ tăng dần do sức ép từ nguyên liệu than và khí.
3. Hoạt động kinh doanh bất động sản và văn phòng cho thuê với tỷ suất lợi nhuận ổn định là cỗ máy in tiền giúp REE tiếp tục đầu tư vào mảng điện, nước

Rủi ro Đầu tư

- Chu kỳ El Niño kéo dài trong nhiều năm có thể khiến lợi nhuận từ công ty liên kết của REE bị ảnh hưởng
- Vụ kiện của nhà thầu Trung Quốc có thể khiến VSH phải chịu nghĩa vụ trả nợ khoảng 2,000 tỷ, ảnh hưởng tới dòng tiền và lợi nhuận của REE cũng như VSH.

Thông tin chi tiết mời truy cập: [Link](#)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

CTG_ Hồi phục

[Link](#)

FPT_ Xu hướng hồi phục

[Link](#)

VPB_ Hồi phục

[Link](#)

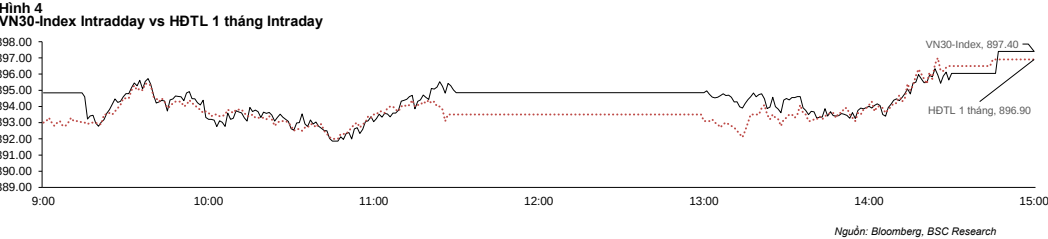
HPG_ Tăng giá

[Link](#)

NVL_ Tăng giá

[Link](#)

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Điểm	%	KLGD	Đảo hạn	Số ngày*
VN30F2002	896.90	0.38%	-0.50	-14.7%	60257	2/20/2020	33
VN30F2003	896.50	0.18%	-0.90	31.3%	151	3/19/2020	61
VN30F2006	899.00	0.12%	1.60	-14.3%	18	6/18/2020	152
VN30F2009	900.20	n/a	2.80	n/a	10	9/17/2020	243

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 Index tăng +2.56 điểm lên mức 897.40 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VPB, HPG, MWG, PNJ, và VNM tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. Trong phiên hôm nay, VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch vận động tích lũy quanh vùng giá 892-895 điểm, và tăng mạnh cuối phiên lên quanh 897 điểm. Thanh khoản thấp, phản ánh tâm lý chờ đợi của nhà đầu tư khi sắp tới giai đoạn nghỉ tết âm lịch. VN30 có thể tiếp tục tích lũy dưới 900 điểm trong những phiên tiếp theo.

• Các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, các hợp đồng đều giảm. Điều này báo hiệu vận động tích lũy trong ngắn hạn tới dài hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 880 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đảo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CPNJ1902	MBS	1/22/2020	2	5:1	178,230	-29.8%	1.5 triệu	21.83%	2,220	2,420	8.04%	11,751.40	0.21
CMWG1907	HSC	4/8/2020	79	10:1	90,510	125.0%	5.0 triệu	22.32%	1,900	940	6.82%	2,123.30	0.44
CHPG1908	MBS	1/22/2020	2	2:1	130,000	419.4%	2.0 triệu	24.93%	1,450	2,400	6.67%	4,513.30	0.53
CHPG1909	KIS	5/15/2020	116	2:1	333,370	833.0%	5.0 triệu	24.93%	1,800	1,670	5.03%	1,771.00	0.94
CVPB1901	VND	3/5/2020	45	1:1	159,340	9.2%	2.0 triệu	21.34%	3,500	4,550	3.88%	4,014.00	1.13
CHPG1907	SSI	4/22/2020	93	1:1	71,500	8.3%	1.0 triệu	24.93%	4,200	5,720	3.62%	4,352.30	1.31
CVNM1905	MBS	4/28/2020	99	10:1	100,150	54.9%	1.5 triệu	17.78%	2,500	1,150	2.68%	202.60	5.68
CVNM1903	SSI	4/22/2020	93	1:1	18,570	157.9%	1.0 triệu	17.78%	26,600	13,760	1.93%	4,356.30	3.16
CREE1905	MBS	6/17/2020	149	3:1	310,570	30.7%	2.4 triệu	22.39%	2,150	1,980	1.54%	3,572.00	0.55
CFPT1906	HSC	4/8/2020	79	5:1	65,940	103.4%	5.0 triệu	20.81%	1,700	1,210	0.83%	2,913.60	0.42
CFPT1908	MBS	6/17/2020	149	3:1	125,350	23.9%	2.4 triệu	20.81%	3,150	3,050	0.33%	5,871.10	0.52
CVJC1902	SSI	4/22/2020	93	1:1	11,690	32.1%	1.0 triệu	13.69%	27,900	27,050	-0.59%	19,885.60	1.36
CTCB1902	VND	6/5/2020	137	1:1	20,410	-62.4%	2.0 triệu	21.23%	5,300	3,980	-0.75%	3,037.90	1.31
CVIC1903	KIS	5/15/2020	116	10:1	91,820	1732.7%	4.0 triệu	14.67%	1,430	1,090	-0.91%	159.00	6.86
CMBB1903	SSI	4/22/2020	93	1:1	137,960	615.6%	3.0 triệu	17.82%	4,000	2,240	-1.75%	944.40	2.37
CVHM1902	SSI	4/22/2020	93	1:1	18,850	-16.3%	1.0 triệu	21.47%	18,600	9,820	-2.29%	4,858.10	2.02
CFPT1905	SSI	4/22/2020	93	1:1	28,930	-31.3%	1.0 triệu	20.81%	9,900	6,680	-2.48%	4,390.30	1.52
CVIC1902	SSI	4/22/2020	93	1:1	8,200	22.4%	1.0 triệu	14.67%	22,700	11,990	-4.16%	4,132.60	2.90
CMSN1902	KIS	5/15/2020	116	5:1	125,190	-40.4%	2.0 triệu	26.61%	1,640	590	-7.81%	49.40	11.94
CVRE1903	KIS	5/15/2020	116	2:1	57,500	43.4%	4.0 triệu	22.27%	2,700	1,350	-10.60%	486.80	2.77
CSBT1901	KIS	2/14/2020	25	1:1	10	-66.7%	2.0 triệu	15.84%	1,500	300	-18.92%	0.30	1,000.00
CREE1902	SSI	1/22/2020	2	1:1	47,850	25.2%	1.0 triệu	22.39%	5,600	410	-37.88%	696.80	0.59
Tổng:					2,131,940	42.30 triệu	20.51%**						
Chú thích:					Bảng báo gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất			CR: Tỷ lệ chuyển đổi					
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%			Số ngày: Số ngày đến thời điểm đảo hạn					
					**Trung bình độ lệch chuẩn			*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes					

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 20/1/2019, phần lớn chứng quyền đều giảm, trong khi chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về giá. Khối lượng giao dịch tăng.

• Về giá, CREE1902 và CSBT1901 giảm mạnh lần lượt là -37.88% và -18.92%. Thanh khoản thị trường tăng 43.64%. CMBB1904 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 19.21% thị trường.

• Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là FPT, HPG, VJC và VRE, hầu hết các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CVJC1902, CHPG1907 và CVPB1901 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CHPG1908 và CHPG1907 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VPB	22.50	2.74	1.39
HPG	25.50	2.00	1.14
MWG	118.60	2.15	0.99
PNJ	92.00	1.43	0.32
VNM	119.00	0.34	0.28

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
MSN	54.3	-1.27	-0.45
VJC	147.0	-0.81	-0.43
VRE	32.0	-1.84	-0.39
HDB	28.3	-1.05	-0.28
VCB	94.0	-0.53	-0.20

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CPNJ1902	90,100	79,000	92,000
CMWG1907	144,000	125,000	118,600
CHPG1908	23,400	20,500	25,500
CHPG1909	28,280	24,680	25,500
CVPB1901	21,500	18,000	22,500
CHPG1907	25,200	21,000	25,500
CVNM1905	150,725	125,725	119,000
CVNM1903	145,580	118,980	119,000
CREE1905	41,050	34,600	36,750
CFPT1906	65,500	57,000	57,400
CFPT1908	63,450	54,000	57,400
CVJC1902	157,900	130,000	147,000
CTCB1902	26,300	21,000	23,350
CVIC1903	137,300	123,000	114,900
CMBB1903	26,000	22,000	22,000
CVHM1902	103,600	85,000	86,000
CFPT1905	64,900	55,000	57,400
CVIC1902	137,700	115,000	114,900
CMSN1902	86,089	77,889	54,300
CVRE1903	41,189	35,789	32,000
CSBT1901	22,712	21,212	18,500
CREE1902	41,600	36,000	36,750

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	118.6	2.2%	0.8	2,337	7.5	8,321	14.3	4.7	49.0%	37.7%
PNJ	Bán lẻ	92.0	1.4%	1.0	901	3.3	5,327	17.3	4.5	49.0%	28.6%
BVH	Bảo hiểm	65.4	-0.8%	1.2	2,111	0.3	1,889	34.6	2.9	29.5%	8.7%
PVI	Bảo hiểm	31.7	0.0%	0.7	319	0.1	2,801	11.3	1.1	54.3%	9.6%
VIC	Bất động sản	114.9	0.0%	1.1	16,897	1.8	1,589	72.3	4.9	14.8%	7.8%
VRE	Bất động sản	32.0	-1.8%	1.1	3,161	1.5	1,033	31.0	2.6	33.0%	8.8%
NVL	Bất động sản	56.0	0.0%	0.8	2,361	0.7	3,187	17.6	2.5	7.0%	15.5%
REE	Bất động sản	36.8	0.7%	1.1	495	1.1	5,614	6.5	1.1	49.0%	18.6%
DXG	Bất động sản	12.9	-0.8%	1.4	294	0.5	3,215	4.0	0.8	45.4%	25.9%
SSI	Chứng khoán	19.3	0.0%	1.4	425	1.1	1,769	10.9	1.0	54.9%	9.4%
VCI	Chứng khoán	28.6	-0.9%	1.0	204	0.0	5,067	5.6	1.3	36.1%	24.7%
HCM	Chứng khoán	21.6	0.0%	1.4	287	0.3	1,287	16.8	1.5	56.5%	10.2%
FPT	Công nghệ	57.4	-0.3%	0.9	1,693	3.1	4,688	12.2	2.9	49.0%	24.9%
FOX	Công nghệ	42.0	0.0%	0.4	454	0.0	4,156	10.1	2.5	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	93.4	0.2%	1.6	7,772	0.5	5,886	15.9	3.9	3.6%	26.1%
PLX	Dầu khí	56.0	-0.4%	1.5	2,899	0.6	3,467	16.2	3.0	13.4%	19.5%
PVS	Dầu khí	17.8	-0.6%	1.6	370	0.5	2,062	8.6	0.7	21.4%	8.5%
BSR	Dầu khí	7.5	2.7%	0.8	1,011	0.4	1,163	6.4	0.7	41.1%	11.0%
DHG	Dược	88.4	0.5%	0.6	503	0.0	4,535	19.5	3.7	54.4%	19.4%
DPM	Hóa chất	12.6	0.8%	0.7	214	0.1	650	19.4	0.6	18.9%	3.7%
DCM	Hóa chất	5.9	-0.2%	0.6	136	0.0	625	9.5	0.5	2.4%	5.5%
VCB	Ngân hàng	94.0	-0.5%	1.2	15,158	3.4	5,274	17.8	4.3	23.8%	27.1%
BID	Ngân hàng	53.3	-0.4%	1.5	9,321	1.8	2,109	25.3	3.2	18.1%	13.5%
CTG	Ngân hàng	25.1	0.6%	1.6	4,063	5.2	1,641	15.3	1.3	29.7%	8.5%
VPB	Ngân hàng	22.5	2.7%	1.2	2,385	2.4	3,341	6.7	1.4	23.2%	22.7%
MBB	Ngân hàng	22.0	0.0%	1.1	2,225	4.1	3,261	6.7	1.3	20.0%	21.8%
ACB	Ngân hàng	24.3	2.1%	1.1	1,750	4.7	3,585	6.8	1.6	30.0%	25.9%
BMP	Nhựa	45.4	-0.7%	0.8	162	0.1	5,073	8.9	1.5	80.5%	16.5%
NTP	Nhựa	31.9	3.6%	0.3	136	0.0	4,603	6.9	1.2	20.4%	17.8%
MSR	Tài nguyên	14.9	0.7%	1.2	641	0.0	732	20.4	1.1	2.0%	5.6%
HPG	Thép	25.5	2.0%	0.9	3,061	6.2	2,526	10.1	1.5	38.4%	17.4%
HSG	Thép	8.3	-1.7%	1.7	153	1.8	890	9.3	0.6	17.8%	6.8%
VNM	Tiêu dùng	119.0	0.3%	0.7	9,010	2.6	5,527	21.5	7.6	58.7%	36.5%
SAB	Tiêu dùng	236.0	0.6%	0.8	6,580	0.2	7,365	32.0	8.5	63.3%	28.4%
MSN	Tiêu dùng	54.3	-1.3%	1.1	2,760	1.3	4,512	12.0	1.9	39.2%	20.5%
SBT	Tiêu dùng	18.5	0.0%	0.6	472	1.0	440	42.1	1.5	6.3%	3.5%
ACV	Vận tải	70.9	1.3%	0.8	6,711	0.1	2,630	27.0	5.0	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	147.0	-0.8%	1.1	3,348	2.2	9,850	14.9	5.7	19.6%	43.3%
HVN	Vận tải	32.2	-1.2%	1.7	1,983	0.2	1,747	18.4	2.5	10.1%	13.4%
GMD	Vận tải	21.3	-0.5%	0.8	275	0.2	1,949	10.9	1.0	49.0%	9.7%
PVT	Vận tải	15.0	-2.0%	0.6	184	0.3	2,571	5.8	1.0	32.0%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	65.9	-2.4%	1.1	458	0.5	8,338	7.9	3.3	2.2%	45.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	18.1	0.6%	0.8	353	0.1	1,398	13.0	1.3	13.4%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.0	0.0%	0.9	248	0.0	1,912	7.8	1.0	6.4%	13.8%
CTD	Xây dựng	53.5	1.5%	0.9	177	0.3	9,842	5.4	0.5	47.2%	9.3%
VCG	Xây dựng	25.8	0.0%	1.1	495	0.0	1,557	16.6	1.7	0.5%	10.4%
CII	Xây dựng	26.0	0.0%	0.4	280	1.6	1,845	14.1	1.2	51.1%	8.8%
POW	Điện	10.7	-0.9%	0.6	1,089	0.5	820	13.0	1.0	13.5%	7.8%
NT2	Điện	18.4	0.5%	0.6	230	0.1	2,577	7.1	1.3	18.6%	20.0%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VPB	22.50	2.74	0.43	2.48MLN
HPG	25.50	2.00	0.40	5.71MLN
MWG	118.60	2.15	0.32	1.46MLN
SAB	236.00	0.64	0.28	17170.00
VNM	119.00	0.34	0.20	493600.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	24.30	2.10	0.81	4.44MLN
AMV	21.30	8.67	0.05	132900.00
NTP	31.90	3.57	0.03	11900.00
CTB	30.40	6.67	0.02	100.00
PMC	54.90	5.58	0.02	200.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	94.00	-0.53	-0.54	832190.00
VRE	32.00	-1.84	-0.41	1.07MLN
MSN	54.30	-1.27	-0.24	541490.00
BID	53.30	-0.37	-0.23	761650.00
VJC	147.00	-0.81	-0.19	341310.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	7.20	-1.37	-0.11	5.69MLN
VCS	65.90	-2.37	-0.05	158200.00
PVS	17.80	-0.56	-0.03	631300.00
TVC	20.50	-1.91	-0.01	108400.00
VCR	8.30	-9.78	-0.01	299100.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
KPF	22.25	6.97	0.01	8050.00
GAB	33.80	6.96	0.01	50540.00
OPC	48.65	6.92	0.02	150.00
CLG	3.41	6.90	0.00	28960.00
DIC	2.33	6.88	0.00	993180.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.50	25.0	0.01	1.09MLN
NHP	0.50	25.0	0.00	552500.00
WSS	2.20	10.0	0.01	300.00
BTW	47.80	9.9	0.01	100.00
PBP	6.70	9.8	0.00	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SII	16.65	-6.98	-0.02	160.00
VRC	6.66	-6.98	-0.01	5340.00
NKG	9.21	-6.97	-0.04	2.00MLN
POM	5.49	-6.95	-0.03	10.00
SC5	22.15	-6.93	-0.01	140.00

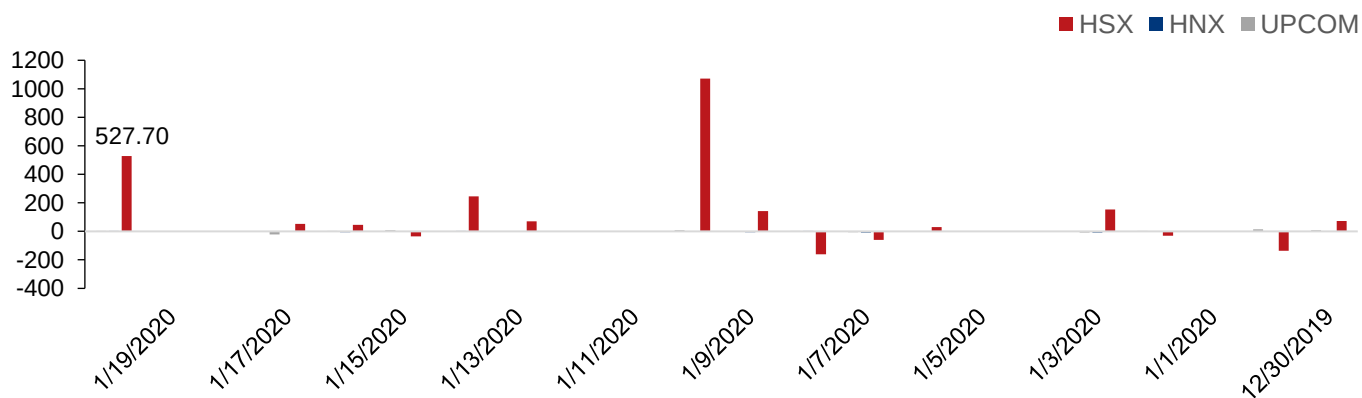
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SPI	0.80	-11.11	0.00	12800.00
HBS	1.80	-10.00	0.00	11900.00
LM7	8.10	-10.00	0.00	100.00
GDW	29.30	-9.85	-0.01	100.00
VCR	8.30	-9.78	-0.01	299100.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
3	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
5	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
6	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
7	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
8	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
9	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
10	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
11	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
12	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hỏi	Phân tích vĩ mô		Click
13	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
14	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
15	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
16	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
18	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
19	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
20	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	QNS	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	28.7	35.0	27.0	5,020	5.4	1.2	Click
2	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	92.0	5,327	17.3	4.5	Click
3	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	15.0	2,571	5.8	1.0	Click
4	NTC	Bất động sản	Theo dõi	18/12/2019	170.0	n/a	160.7	29,035	5.5	4.4	Click
5	PVD	Dầu khí	Theo dõi	16/12/2019	113.2	171.4	14.5	0	13.6	0.4	Click
6	MWG	Bán lẻ	Mua	16/12/2019	22.8	27.8	118.6	8,321	14.3	4.7	Click
7	ACB	Ngân hàng	Mua	10/12/2019	13.9	15.9	24.3	3,585	6.8	1.6	Click
8	AAA	Sản xuất	Theo dõi	4/12/2019	23.4	26.0	12.5	2,692	4.6	0.7	Click
9	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	4/12/2019	125.1	162.5	23.4	2,660	8.8	1.4	Click
10	VTP	Vận tải	Mua	25/11/2019	84.5	121.0	114.8	6,216	18.5	7.0	Click
11	VCB	Ngân hàng	Mua	25/11/2020	34.8	42.3	94.0	5,274	17.8	4.3	Click
12	HDG	Bất động sản	Mua	13/11/2019	60.5	75.3	29.7	9,530	3.1	1.6	Click
13	FPT	CNTT	Mua	13/11/2019	25.5	30.8	57.4	4,688	12.2	2.9	Click
14	DGW	Bán lẻ	Mua	31/10/2019	20.0	29.1	25.1	3,491	7.2	1.2	Click
15	PC1	Điện	Mua mạnh	14/10/2019	38.0	N/a	17.9	2,246	7.9	0.8	Click
16	TRC	Cao su	Theo dõi	10/1/2019	78.5	82.7	32.1	2,846	11.3	0.6	Click
17	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	130.0	142.1	54.3	4,512	12.0	1.9	Click
18	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	22.3	26.0	119.0	5,527	21.5	7.6	Click
19	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	39.5	48.0	21.5	2,887	7.4	1.5	Click
20	REE	Công nghiệp	Mua	27/09/2021	79.0	93.5	36.8	5,614	6.5	1.1	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express TNG 2019Q4	5/12/2019	Giá tại Publish 15000 Năm 2020, doanh thu dự kiến là 4,950 tỷ, trong đó (1) xuất khẩu là 4,850 tỷ (2) thời trang nội địa là 100 tỷ. Khách hàng: Decathlon chiếm 40% tổng DT, là người cung cấp nguyên liệu (Anh Đức: Decathlon giao đến cảng Hải Phòng rồi TNG ra nhận, Anh Hoàng – chủ kho Sông Công 2: Decathlon giao đến tận kho). Vấn đề tồn kho: Tồn kho tăng cao là đặc thù của ngành chung. Các doanh nghiệp may phục vụ theo đơn hàng => tồn kho chắc chắn sẽ xuất được xưởng (Cmt: trong TH khách hàng vẫn hoạt động bình thường. Vẫn còn rủi ro đặt hàng xong ko lấy, lấy hàng xong ko trả tiền - > nợ xấu) Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 60500 BSC dự báo doanh thu thuần của MSH năm 2019 đạt 4,472 tỷ đồng (+13.2% YoY) với giá định doanh thu hàng may mặc xuất khẩu đạt 174.7 triệu USD (+13.6% YoY) với động lực đến từ các khách hàng Haddad (+38%), G-III (+32%), Columbia (+10%) trong khi mảng chăn ga gối tương đương cùng kỳ. Biên LNG tương đương 2018 ở mức 20.1%, biên EBIT cải thiện từ 11.1% lên 11.7% nhờ tiết giảm CPBH và QLDN. LNST ước đạt 420 tỷ (+13.5% YoY), EPS = 8,170 đồng/CP (giá định trích quỹ KTPL 5% LNST). Kế hoạch 2019-2023: (i) Hoàn thành thủ tục và di dời các xưởng may trong nội thành (1-6) ra cụm CN xã Mỹ Tân, Mỹ Lộc, Nam Định (21ha), vốn đầu tư 500 -550 tỷ, phát triển thành khu sản xuất tập trung của MSH, sau đó thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại các NM di dời (khoảng 8ha). Việc di dời sẽ thực hiện theo hình thức cuốn chiếu nên sẽ không ảnh hưởng đến sản xuất. (ii) Đạt doanh thu 5,000 tỷ năm 2021 (CAGR =7.8%), cổ tức 35-45%/năm.
Express MSH 2019Q	3/12/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 60500 BSC dự báo doanh thu thuần của MSH năm 2019 đạt 4,472 tỷ đồng (+13.2% YoY) với giá định doanh thu hàng may mặc xuất khẩu đạt 174.7 triệu USD (+13.6% YoY) với động lực đến từ các khách hàng Haddad (+38%), G-III (+32%), Columbia (+10%) trong khi mảng chăn ga gối tương đương cùng kỳ. Biên LNG tương đương 2018 ở mức 20.1%, biên EBIT cải thiện từ 11.1% lên 11.7% nhờ tiết giảm CPBH và QLDN. LNST ước đạt 420 tỷ (+13.5% YoY), EPS = 8,170 đồng/CP (giá định trích quỹ KTPL 5% LNST). Kế hoạch 2019-2023: (i) Hoàn thành thủ tục và di dời các xưởng may trong nội thành (1-6) ra cụm CN xã Mỹ Tân, Mỹ Lộc, Nam Định (21ha), vốn đầu tư 500 -550 tỷ, phát triển thành khu sản xuất tập trung của MSH, sau đó thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại các NM di dời (khoảng 8ha). Việc di dời sẽ thực hiện theo hình thức cuốn chiếu nên sẽ không ảnh hưởng đến sản xuất. (ii) Đạt doanh thu 5,000 tỷ năm 2021 (CAGR =7.8%), cổ tức 35-45%/năm.
Express VIB 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị NẮM GIỮ; Giá mục tiêu 19500; Giá tại Publish 16700 Chúng tôi khuyến nghị THEO DÕI cổ phiếu VIB với giá mục tiêu 19,500 VND/cp, upside 17% với phương pháp P/B = 1.3x cho năm 2020 (tỷ suất chiết khấu 15%). BSC dự báo, VIB sẽ ghi nhận TOI và PBT trong năm 2020 lần lượt đạt mức 9,984 tỷ VND (+22.5% yoy) và 4,417 tỷ VND (+20% yoy), BVPS 2020 = 21,000 VND/cp Khuyến nghị THEO DÕI; Giá tại Publish 40100 Trong năm 2019, BSC dự báo BID sẽ ghi nhận TOI = 50,265 tỷ VND (+13% yoy), PBT = 10,800 tỷ VND (+14% yoy). Trong năm 2020, BID sẽ ghi nhận TOI = 58,816 tỷ VND (+17% yoy), PBT = 13,134 tỷ VND (+21.6% yoy). BVPS 2020 = 14,862 VND/cp. Tăng vốn từ KEB Hana Bank giúp BID giải quyết vấn đề về CAR tạo room tăng trưởng thời gian tới. BID đã được SBV chấp nhận tuân thủ tiêu chuẩn Basel II vào tháng 12/2019, ước tính sau khi nhận được vốn từ Hana, CAR của BID sẽ được cải thiện lên mức 10.4%
Express BID 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị NẮM GIỮ; Giá mục tiêu 19500; Giá tại Publish 16700 Chúng tôi khuyến nghị THEO DÕI cổ phiếu VIB với giá mục tiêu 19,500 VND/cp, upside 17% với phương pháp P/B = 1.3x cho năm 2020 (tỷ suất chiết khấu 15%). BSC dự báo, VIB sẽ ghi nhận TOI và PBT trong năm 2020 lần lượt đạt mức 9,984 tỷ VND (+22.5% yoy) và 4,417 tỷ VND (+20% yoy), BVPS 2020 = 21,000 VND/cp Khuyến nghị THEO DÕI; Giá tại Publish 40100 Trong năm 2019, BSC dự báo BID sẽ ghi nhận TOI = 50,265 tỷ VND (+13% yoy), PBT = 10,800 tỷ VND (+14% yoy). Trong năm 2020, BID sẽ ghi nhận TOI = 58,816 tỷ VND (+17% yoy), PBT = 13,134 tỷ VND (+21.6% yoy). BVPS 2020 = 14,862 VND/cp. Tăng vốn từ KEB Hana Bank giúp BID giải quyết vấn đề về CAR tạo room tăng trưởng thời gian tới. BID đã được SBV chấp nhận tuân thủ tiêu chuẩn Basel II vào tháng 12/2019, ước tính sau khi nhận được vốn từ Hana, CAR của BID sẽ được cải thiện lên mức 10.4%
Express VPB 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 26514; Giá tại Publish 19300 Chúng tôi dự báo, trong năm 2019, VPB sẽ ghi nhận TOI = 35,852 tỷ VND (+15.3% yoy) và PBT = 10,375 tỷ VND (+12.8% yoy). Trong năm 2020, TOI và PBT của VPB lần lượt ở mức 40,093 tỷ VND (+11.8% yoy) và 12,955 tỷ VND (+24.8% yoy).

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn